

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 65/2022/DS-PT
Ngày 23-11-2022
V/v tranh chấp về bồi thường thiệt
hại ngoài hợp đồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hà

Các Thẩm phán: Bà Lương Thị Hải Hà

Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng: Ông Nguyễn Đức Hình - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 75/2022/TLPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 117/2022/QĐ-PT ngày 17 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị H, sinh năm 197X; nơi cư trú: Tổ dân phố K, phường Đ, quận S, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đàm Văn K, sinh năm 196X; nơi cư trú: Tổ dân phố K, phường Đ, quận S, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông K: Ông Ngô Văn T - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư T, Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; địa chỉ: đường K, quận Q, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 196X; nơi cư trú: Tổ dân phố K, phường Đ, quận S, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông N: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1972; nơi cư trú: Tổ dân phố K, phường Đ, quận S, thành phố Hải Phòng; là người đại diện theo ủy quyền của ông N (Văn bản ủy quyền ngày 12 tháng 5 năm 2022); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông N: Bà Nguyễn Thị Hồng T - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 196X; nơi cư trú: Tổ dân phố K, phường Đ, quận S, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Đàm Văn K là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 03-6-2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Bùi Thị H trình bày:

Tại đường Đ, phường Đ, quận S, thành phố Hải Phòng, vợ chồng bà có 02 ngôi nhà: 01 ngôi nhà 02 tầng phía trước, giáp đường Đ, xây dựng năm 2002 (sau đây viết tắt là ngôi nhà 02 tầng) và 01 ngôi nhà 03 tầng, phía sau, xây dựng năm 2017 (sau đây viết tắt là ngôi nhà 03 tầng), có giấy phép xây dựng. Trước đây, ngôi nhà 02 tầng có bị nứt nhưng ít, còn ngôi nhà 03 tầng không bị nứt hay thấm dột gì. Khoảng đầu năm 2021, ông Đàm Văn K và vợ là bà Nguyễn Thị Y xây ngôi nhà 03 tầng bên cạnh không theo hồ sơ thiết kế và giấy phép xây dựng. Trước khi nhà ông K thi công, bà đã sang trao đổi với vợ chồng ông K để tránh làm hư hỏng nhà của vợ chồng bà, ông K nói sẽ không để chuyện đó xảy ra. Khi phá dỡ nhà cũ 02 tầng để xây nhà mới, ông K thuê máy cẩu đập phá; khi làm móng nhà mới, ông K thuê máy xúc đào móng, nhồi cọc bê tông làm rung lắc 02 ngôi nhà của vợ chồng bà.

Sau khi gia đình ông K xây nhà xong thì 02 ngôi nhà của vợ chồng bà bị nứt, thấm nước nhiều chỗ. Bà sang trao đổi với gia đình ông K để xử lý, khắc phục nhưng vợ chồng ông K không đồng ý, cho rằng không phải do việc gia đình ông K xây nhà gây ra. Bà đã đề nghị tổ dân phố và UBND phường Đ giải quyết, qua 03 lần hoà giải đều không có kết quả. Vì vậy, bà yêu cầu ông K phải bồi thường thiệt hại để sửa chữa, khắc phục những hư hỏng đối với 02 ngôi nhà nêu trên là 100.000.000 đồng. Hai ngôi nhà này là tài sản riêng của bà và chồng là ông Nguyễn Văn N, hiện đang do vợ chồng bà quản lý, sử dụng, không liên quan đến người khác.

Tại phiên hoà giải ngày 04-7-2022, bà yêu cầu vợ chồng ông K phải bồi thường theo số tiền mà tổ chức giám định đã nêu trong kết luận giám định, trả lại cho bà tiền chi phí giám định mà bà đã nộp là 55.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - ông K trình bày:

Đầu năm 2021, gia đình ông phá dỡ nhà cũ và xây dựng ngôi nhà mới tại số 1570 đường Đ, tổ dân phố K, phường Đ (sau đây viết tắt là nhà số 1570). Việc xây nhà có giấy phép xây dựng của Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng. Trước đó, địa chính phường cũng đến lập biên bản và ký giáp ranh hai bên. Ông cũng đã chụp ảnh những vết nứt của nhà bà H. Trước đây, gia đình bà H xây nhà không lót tường, để dính vào tường ngôi nhà cũ của gia đình ông. Khi phá nhà, gia đình ông có thuê máy phá nhà, cho xe vào trong để chở vật liệu đi. Đối với phần tường dính vào tường nhà bà H thì ông cho thợ phá bằng tay. Việc thợ phá dỡ nhà cũ, làm nhà mới phải theo sự chỉ đạo, giám sát của vợ chồng ông mà không được tự ý làm.

Việc xây nhà mới ông làm đúng giấy phép xây dựng, khoan cọc nhồi bê tông sâu 25m, đường kính 300mm, tổng là 10 cọc; móng đào sâu 70cm. Khi làm móng, bà H có thuê người sang chụp ảnh hiện trạng làm bằng chứng và bảo ông phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra lún, nứt. Ông nói sẽ không để ảnh hưởng đến nhà bà H. Khi làm móng xong, bà H sang nói với ông là việc thi công làm lún, nứt nhà của bà H và yêu cầu ông phải khắc phục, chống thấm, lợp mái, ốp tường cho nhà bà H. Ông cho rằng, việc phá dỡ nhà cũ, xây dựng nhà mới của vợ chồng ông không ảnh hưởng đến nhà của vợ chồng bà H nên không chấp nhận yêu cầu của bà H. Ngôi nhà số 1570 là tài sản riêng của ông và vợ là bà Y, hiện đang do vợ chồng ông quản lý, sử dụng, không liên quan đến người khác.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông N tham gia tố tụng với bên nguyên đơn, khai thống nhất với lời khai của nguyên đơn; bà Y tham gia tố tụng với bên bị đơn, khai thống nhất với lời khai của bị đơn.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án xác minh, thu thập được xác định:

Trong Phiếu điều tra về xây dựng, cải tạo do UBND phường Đ lập ngày 01-12-2020 để Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng cấp giấy phép xây dựng cho vợ chồng ông K thể hiện: Phía Đông Bắc giáp nhà ông N xây dựng năm 2002, mái nhà tầng một có 01 vết nứt dài, mái tầng hai có 01 vết nứt, hai góc tường tầng hai có vết nứt; ông K có ký xác nhận vào văn bản này. Đồng thời, ông K có Văn bản cam kết trách nhiệm đề ngày 18-11-2020, cam kết khắc phục hoặc đền bù nếu việc xây dựng gây hư hỏng đối với các công trình liên quan.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ: Tại số 1568 đường Đ, vợ chồng bà H có 02 ngôi nhà, 01 ngôi nhà 02 tầng và 01 ngôi nhà 03 tầng. Cả 02 ngôi nhà này đều do bà H và chồng là ông N đầu tư tạo dựng và hiện đang sinh sống tại đây, không liên quan đến người khác. Liên kề bên phải là nhà số 1570 do ông K và vợ là bà Y đầu tư tạo dựng và hiện đang sinh sống tại đây, không liên quan đến người khác; liên kề bên trái là nhà số 1566 của ông Nguyễn Văn S. Tường nhà số 1570 và tường 02 ngôi nhà của vợ chồng bà H cách nhau khoảng 05cm. Hai ngôi nhà của bà H bị nứt và thấm nước nhiều chỗ (trần, tường, nền, ..).

Các bản ảnh đương sự giao nộp, lời khai của người làm chứng thể hiện việc vợ chồng ông K có cho xe phá bê tông, xe máy múc và xe bom trộn bê tông đi vào nền nhà để phá dỡ nhà cũ, đào móng, khoan và nhồi cọc bê tông để xây nhà số 1570.

Kết luận giám định số 05/2022/KLGD ngày 10-4-2022 và Thông báo đính chính về báo cáo giám định và kết luận giám định số 06/2022/TBĐC ngày 18-8-2022 của Công ty cổ phần Tư vấn thiết kế và Giám định xây dựng S xác định:

- Về nguyên nhân làm hư hỏng 02 ngôi nhà của vợ chồng bà H: Ngôi nhà 02 tầng bị nứt do 03 nguyên nhân: Một là, do việc xây dựng nhà số 1566 (nhà ông Sập); hai là, do việc xây dựng nhà số 1570 (việc phá dỡ không an toàn, vật liệu phá dỡ để chất cao, xe đổ bê tông, đào móng xung quanh chân tường); ba là, do phương tiện giao thông trọng tải lớn lưu thông trên đường Đ. Ngôi nhà 03 tầng bị nứt do 02 nguyên nhân: Một là, do việc xây dựng nhà số 1570 (việc phá dỡ không an toàn, vật liệu phá dỡ để chất cao, xe đổ bê tông, đào móng xung quanh chân tường); hai là, do phương tiện giao thông trọng tải lớn lưu thông trên đường Đ.

- Về chi phí khắc phục hư hỏng và trách nhiệm của các bên liên quan: Đối với ngôi nhà 02 tầng: Tổng chi phí sửa chữa, khắc phục là 108.084.000 đồng, được chia đều cho 03 tác nhân gồm: Hoạt động xây dựng nhà số 1570, hoạt động xây dựng nhà số 1566 và giao thông; mỗi tác nhân phải chịu 33,3% chi phí, tương ứng với 36.028.000 đồng. Đối với ngôi nhà 03 tầng: Tổng chi phí sửa chữa, khắc phục là 15.647.000 đồng, được chia đều cho 02 tác nhân gồm: Hoạt động xây dựng nhà số 1570 và giao thông, mỗi tác nhân phải chịu 50% chi phí, tương ứng với 7.824.000 đồng. Tổng chi phí bồi thường các hư hỏng của 02 ngôi nhà do hoạt động xây dựng nhà số 1570 là: 36.028.000 đồng + 7.824.000 đồng = 43.852.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự có ý kiến:

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông K và bà Y phải bồi thường cho vợ chồng bà số tiền 43.852.000 đồng, trả lại cho bà số tiền chi phí giám định theo quy định của pháp luật. Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, bà không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn trình bày: Ngôi nhà 02 tầng của vợ chồng bà H đã sử dụng nhiều năm và nằm sát đường giao thông. Mặt khác, năm 2017, vợ chồng bà H xây nhà 03 tầng phía sau không theo thiết kế và coi nói thêm một gian hiên phía trước nên ngôi nhà 02 tầng bị nứt. Vợ chồng ông xây nhà số 1570 là có giấy phép xây dựng, có biên bản ký giáp ranh. Khi phá nhà cũ, những phần tường dính vào tường nhà bà H thì ông cho phá bằng tay; khi làm nhà mới, ông cho đào móng sâu khoảng 80cm, khoan nhồi cọc bê tông nên không thể làm hư hỏng nhà của vợ chồng bà H. Nếu trong quá trình thi công mà nhà bà H bị nghiêng, bị nứt thì ông sẽ bồi thường, cơ quan nhà nước cũng sẽ yêu cầu ông dừng việc thi công nhưng không

có cơ quan nào đến yêu cầu như vậy. Mặc dù không nhìn trực tiếp nhưng ông xác định những vết nứt trong 02 ngôi nhà của vợ chồng bà H có từ trước khi vợ chồng ông xây nhà số 1570. Kết luận giám định là không chính xác. Hơn nữa, bà H là người yêu cầu giám định chứ ông không yêu cầu. Vì vậy, ông không chấp nhận bồi thường và trả chi phí giám định theo yêu cầu của bà H.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Hải Phòng Căn cứ vào Điều 174, khoản 1 Điều 584, Điều 587, Điều 589 và Điều 605 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 161, khoản 1 Điều 162, khoản 2 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 17 Điều 3, khoản 2 Điều 111 và khoản 4 Điều 119 của Luật Xây dựng; Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H về việc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Buộc ông Đàm Văn K và bà Nguyễn Thị Y phải bồi thường cho bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Văn N số tiền 43.852.000 (*Bốn mươi ba triệu tám trăm năm mươi hai nghìn*) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/9/2022 bị đơn ông Đàm Văn K kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Hải Phòng.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự tham gia phiên tòa có ý kiến:

Nguyên đơn bà Bùi Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm y án sơ thẩm.

Bị đơn ông Đàm Văn K không chấp nhận bồi thường. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông N: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận S để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà H, ông N.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông K: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Đàm Văn K, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới, không yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm của Kiểm sát viên đối với kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Hải Phòng. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn là ông Đàm Văn K là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền: Vụ án có quan hệ tranh chấp về yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, bị đơn là ông Đàm Văn K, cư trú tại: Số 1570 đường Đ, tổ dân phố K, phường Đ, quận S, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 6 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S. Vụ án có kháng cáo nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Ngày 10/9/2022, bị đơn ông Đàm Văn K kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử lại vụ án, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét đơn kháng cáo của ông Đàm Văn K trong thời hạn quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét và giải quyết.

[3] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn N nhưng có người đại diện hợp pháp là bà Bùi Thị H có mặt; bà Nguyễn Thị Y vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N và bà Y.

- Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

[4] Ông K không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do căn nhà của vợ chồng bà H đã xây dựng nhiều năm, có quá trình sử dụng lâu dài, đồng thời nhà bà H lại nằm sát đường, gần đèn xanh đèn đỏ có nhiều xe chạy qua gây ra rung chấn lớn nên nhà bị ảnh hưởng rất nghiêm trọng. Đến năm 2017 thì gia đình bà H lại coi nói ngôi nhà 03 tầng diện tích 20 m² không theo thiết kế.

Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định: Trước khi vợ chồng ông K xây dựng nhà số 1570, ngôi nhà 02 tầng của vợ chồng bà H có 01 vết nứt dài ở mái nhà tầng một, 01 vết nứt ở mái tầng hai và 02 vết nứt ở hai

góc tường tầng hai; ngôi nhà 03 tầng không bị hư hỏng. Những hư hỏng này được mô tả trong Phiếu điều tra về xây dựng, cải tạo lập ngày 01-12-2020 để làm thủ tục cấp giấy phép xây dựng cho vợ chồng ông K, có chữ ký xác nhận của ông K. Tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ (ngày 25-10-2021) và khi tổ chức giám định tiến hành kiểm tra, khảo sát 02 ngôi nhà của vợ chồng bà H (từ ngày 22 đến ngày 24-3-2022) thì ngôi nhà 02 tầng có thêm nhiều vết nứt, ngôi nhà 03 tầng có nhiều vết nứt ở nhiều vị trí khác nhau.

Ngôi nhà 03 tầng của vợ chồng bà H xây dựng năm 2017, ngôi nhà số 1566 của ông Nguyễn Văn S xây dựng xong vào cuối năm 2019; cuối năm 2020, khi lập phiếu điều tra về xây dựng, cải tạo nêu trên thì 03 tầng vẫn chưa bị nứt.

[5] Tại Kết luận giám định số 05/2022/KLGĐ ngày 10-4-2022 của Công ty cổ phần Tư vấn thiết kế và Giám định xây dựng S kết luận:

Ngôi nhà 02 tầng bị nứt do 03 nguyên nhân: Một là, do hoạt động xây dựng nhà số 1566; hai là, do hoạt động xây dựng nhà số 1570 (việc phá dỡ không an toàn, vật liệu phá dỡ để chất cao, xe đổ bê tông, đào móng xung quanh chân tường); ba là, tác động của phương tiện giao thông trọng tải lớn lưu thông trên đường D.

Ngôi nhà 03 tầng bị nứt do 02 nguyên nhân: Một là, do hoạt động xây dựng nhà số 1570 (việc phá dỡ không an toàn, vật liệu phá dỡ để chất cao, xe đổ bê tông, đào móng xung quanh chân tường); hai là, tác động của phương tiện giao thông trọng tải lớn lưu thông trên đường D.

Mặc dù, gia đình ông K khi tiến hành xây dựng công trình đã tiến hành thủ tục theo quy định pháp luật tại Điều 107 Luật xây dựng, được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng đối với công trình, nhưng phải có nghĩa vụ tôn trọng nguyên tắc xây dựng, không được xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu, người có quyền khác đối với tài sản là bất động sản liền kề và xung quanh theo quy định tại Điều 174 Bộ luật dân sự. Việc ông K xây dựng nhà đã làm hư hỏng các nhà liền kề mà trực tiếp là nhà của bà H theo kết luận của Kết luận giám định số 05/2022/KLGĐ ngày 10-4-2022 của Công ty cổ phần Tư vấn thiết kế và Giám định xây dựng S. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông K có một phần lỗi và phải có trách nhiệm bồi thường các thiệt hại cho phía bà H là hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật.

[6] Ông K tuy không đồng ý với Kết luận giám định số 05/2022/KLGĐ ngày 10-4-2022 của Công ty cổ phần Tư vấn thiết kế và Giám định xây dựng S, nhưng trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, ông K không yêu cầu giám định, thẩm định lại. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận Kết luận giám định số 05/2022/KLGĐ ngày 10-4-2022 của Công ty cổ phần Tư vấn thiết kế và Giám định xây dựng S là nguồn chứng cứ để giải quyết vụ án là có cơ sở, cần chấp nhận.

[7] *Về mức bồi thường:* Tại Kết luận giám định và Thông báo đính chính về báo cáo giám định và kết luận giám định số 06/2022/TBĐC ngày 18-8-2022 của Công ty cổ phần Tư vấn thiết kế và Giám định xây dựng S xác định: Đối với ngôi nhà 02 tầng, tổng chi phí sửa chữa, khắc phục là 108.084.000 đồng, được chia đều cho 03 tác nhân gồm: Hoạt động xây dựng nhà số 1570, hoạt động xây dựng nhà 1566 và giao thông; mỗi tác nhân phải chịu 33,3% chi phí, tương ứng với 36.028.000 đồng. Đối với ngôi nhà 03 tầng, tổng chi phí sửa chữa, khắc phục là 15.647.000 đồng, được chia đều cho 02 tác nhân gồm: Hoạt động xây dựng nhà số 1570 và giao thông, mỗi tác nhân phải chịu 50% chi phí, tương ứng với 7.824.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của bà H buộc ông K và bà Y bồi thường số tiền 43.852.000 đồng là có căn cứ.

- *Về chi phí tố tụng:*

[8] Bà H đã nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết về chi phí này nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[9] Bà H đã nộp 55.000.000 đồng tiền chi phí giám định. Do kết quả giám định chứng minh yêu cầu của bà H có căn cứ một phần nên bà H phải chịu chi phí giám định đối với phần yêu cầu đã được chứng minh là không có căn cứ, vợ chồng ông K phải chịu chi phí giám định tương ứng với phần yêu cầu đã được chứng minh là có căn cứ, theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vợ chồng ông K phải hoàn trả lại cho bà H số tiền chi phí giám định mà vợ chồng ông K phải chịu theo khoản 1 Điều 162 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định số tiền chi phí giám định vợ chồng ông K phải chịu được tính trên mức độ lỗi gây ra thiệt hại đối với 02 ngôi nhà của vợ chồng bà H, tương ứng với trung bình cộng của 33,3% và 50% (đã nêu trong kết luận giám định). Như vậy, vợ chồng ông K phải chịu 41,65% của số tiền 55.000.000 đồng, bằng 22.907.500 đồng. Vợ chồng ông K phải hoàn trả lại cho bà H số tiền này theo quyết định của cấp sơ thẩm có cơ sở.

[10] Từ các phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn là Đàm Văn K.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đàm Văn K là người cao tuổi nên được miễn phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 174, khoản 1 Điều 584, Điều 587, Điều 589 và Điều 605 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, khoản 1 và khoản 2 Điều 161, khoản 1 Điều 162, khoản 2 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 17 Điều 3, khoản 2 Điều 111 và khoản 4 Điều 119 của Luật Xây dựng;

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là ông Đàm Văn K. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Hải Phòng:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H về việc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Buộc ông Đàm Văn K và bà Nguyễn Thị Y phải bồi thường cho bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Văn N số tiền 43.852.000 (*Bốn mươi ba triệu tám trăm năm mươi hai nghìn*) đồng.

2. Chi phí tố tụng: Buộc ông K và bà Y phải hoàn trả lại cho bà H số tiền chi phí giám định là 22.907.500 (*Hai mươi hai triệu chín trăm linh bảy nghìn năm trăm*) đồng.

3. Về án phí: Hoàn trả lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.500.000 (*Hai triệu năm trăm nghìn*) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007218 ngày 02-8-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Hải Phòng.

Ông K và bà Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.192.600 (*Hai triệu một trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm*) đồng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đàm Văn K được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Hà